

Số: /2023/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Quy định Giá sản phẩm: thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BTNMT ngày 07 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định Định mức kinh tế - kỹ thuật thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

1. Quyết định này quy định Giá sản phẩm thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Bao gồm:

a) Giá sản phẩm thống kê đất đai.

b) Giá sản phẩm kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

2. Giá sản phẩm thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất quy định tại Quyết định này là cơ sở để lập, thẩm tra, xét duyệt, phê duyệt dự toán và quyết toán các công trình, nhiệm vụ thống kê, kiểm kê, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

Điều 3. Giá sản phẩm thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất

Giá sản phẩm thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất như sau:

1. Giá sản phẩm thống kê đất đai quy định tại Phụ lục I của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Giá sản phẩm kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất quy định tại Phụ lục II của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kho bạc Nhà nước; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Vụ pháp chế (Bộ Tài chính);
- Vụ pháp chế (Bộ Tài nguyên và Môi trường);
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật;
(Bộ Tư Pháp)
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đ/c Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các đ/c P.Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các P. Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CNXD, NL, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**